

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

THÁNG 05 NĂM 2026

“Phát hành mới tăng nhẹ, thanh khoản thứ cấp tiếp tục suy giảm trong môi trường lãi suất tăng”

Thị trường Sơ cấp:

- ❖ Tính đến cuối tháng 05/2026, quy mô trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành đạt khoảng 1,385,251 tỷ đồng, giảm nhẹ 0.27% so với tháng trước, cho thấy dư nợ thị trường nhìn chung vẫn duy trì ổn định.
- ❖ Hoạt động phát hành mới trong tháng 05/2026 tăng nhẹ so với tháng trước và tiếp tục duy trì ở mức cao so với mặt bằng các tháng gần đây, khi đạt 52,992 tỷ đồng, tăng +1.0% MoM, nhưng giảm -23.4% YoY. Trong đó, kênh phát hành riêng lẻ đạt 50,327 tỷ đồng (-1.8% MoM, -26.5% YoY) tiếp tục chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối khi chiếm tỷ trọng 95%. Trong khi đó, phát hành công chúng đạt 2,665 tỷ đồng (+118.0% MoM), mặc dù tổ chức phát hành công chúng có sự cải thiện, tuy nhiên các tổ chức phát hành vẫn ưu tiên kênh riêng lẻ nhờ tốc độ triển khai và thủ tục linh hoạt.
- ❖ Xét theo nhóm ngành, Ngân hàng là động lực dẫn dắt thị trường phát hành trong tháng, với giá trị đạt 32,800 tỷ đồng, tăng 69.8% MoM nhưng giảm -32.3% YoY, chiếm 61.9% tổng giá trị phát hành. Nhóm Bất động sản đứng thứ hai với giá trị phát hành đạt 15,380 tỷ đồng, giảm 48.6% MoM nhưng tăng 23.0% YoY, chiếm 29.0% tỷ trọng. Các tổ chức phát hành nổi bật trong tháng chủ yếu tập trung ở hai nhóm Ngân hàng và Bất động sản, bao gồm MBB (9,050 tỷ đồng), VHM (9,000 tỷ đồng), TCB (8,000 tỷ đồng), ĐTXD Thái Sơn (6,000 tỷ đồng), Ngân hàng Bắc Á (5,000 tỷ đồng).
- ❖ Hoạt động mua lại tăng mạnh lên 40,060 tỷ đồng, tăng 32.5% MoM và 73.2% YoY, chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng. Giá trị đáo hạn đạt 16,674 tỷ đồng, tăng 7.5% MoM và 93.3% YoY; áp lực đáo hạn dự kiến gia tăng trong nửa cuối năm, đặc biệt tại Quý 3-4/2026. Điểm tích cực là không ghi nhận trái phiếu trả chậm trong tháng 05/2026.

Thị trường Thứ cấp:

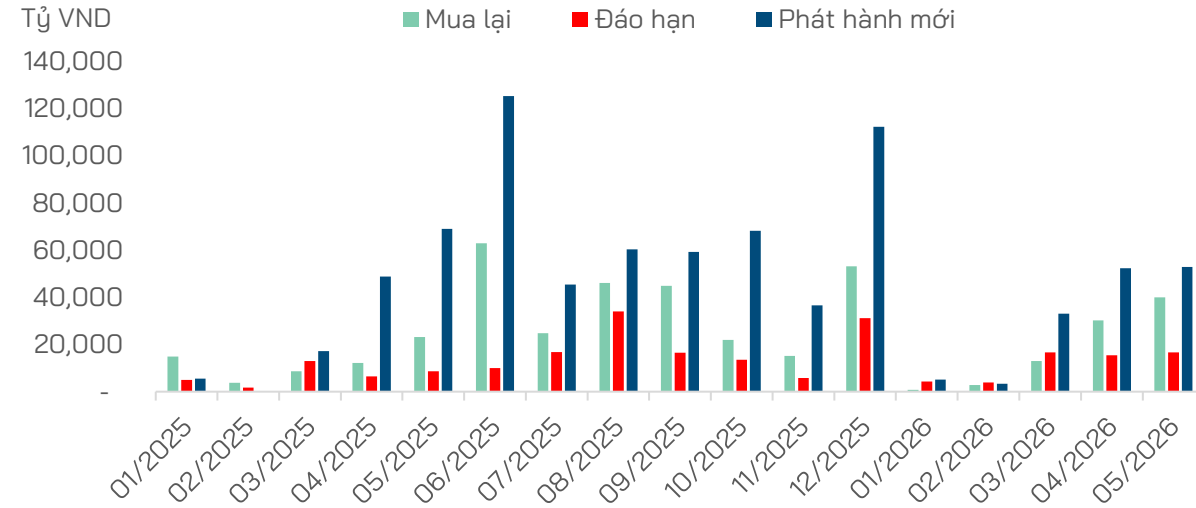
- ❖ Thanh khoản thị trường hạ nhiệt trong tháng 05/2026, với tổng giá trị giao dịch đạt 127,478 tỷ đồng, giảm 15.5% MoM; giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 6,374 tỷ đồng. Giao dịch vẫn tập trung chủ yếu ở trái phiếu phát hành riêng lẻ, đạt 117,080 tỷ đồng.
- ❖ Nhóm Ngân hàng và Bất động sản tiếp tục chi phối thanh khoản thứ cấp, lần lượt chiếm 48.0% và 37.5% tổng giá trị giao dịch. Dòng tiền vẫn tập trung vào các tổ chức phát hành có quy mô dư nợ lớn và mức độ quan tâm cao từ nhà đầu tư.

Tư vấn phát hành:

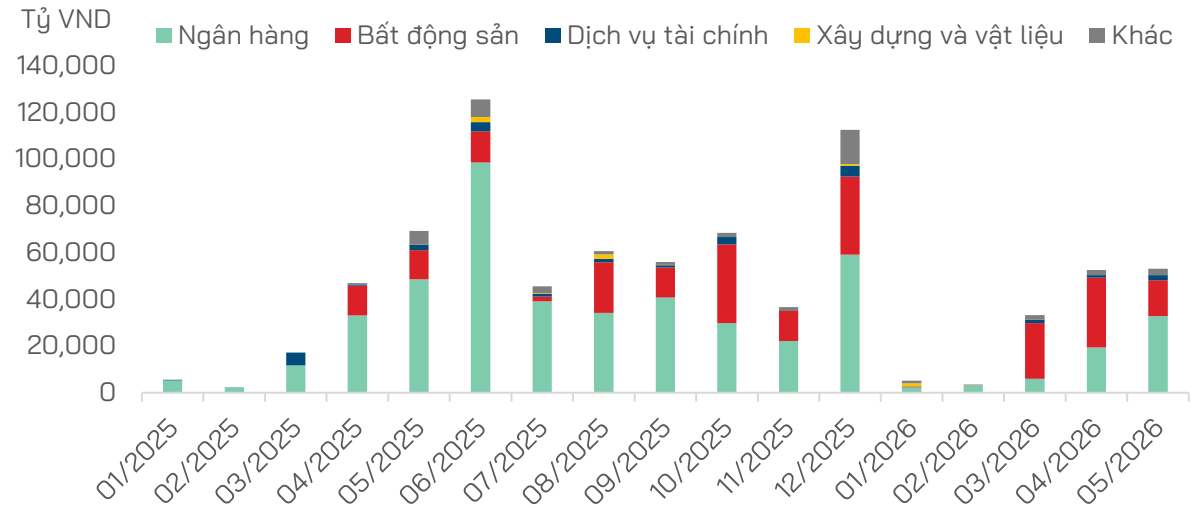
- ❖ Tính từ đầu năm đến ngày 31/05/2026, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu từ nhóm ngân hàng phát hành) với 52,455 tỷ đồng chiếm 62.8%, đứng thứ hai là HDS với 6,190 tỷ đồng, chiếm 7.4% tổng quy mô phát hành.

- Tính đến cuối tháng 05/2026, quy mô trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành đạt khoảng 1,385,251 tỷ đồng, giảm nhẹ 0.27% so với tháng trước, cho thấy dư nợ thị trường nhìn chung vẫn duy trì ổn định.
- Hoạt động phát hành mới trong tháng 05/2026 tăng nhẹ so với tháng trước và tiếp tục duy trì ở mức cao so với mặt bằng các tháng gần đây, khi đạt 52,992 tỷ đồng, tăng +1.0% MoM, nhưng giảm -23.4% YoY. Trong đó, kênh phát hành riêng lẻ đạt 50,327 tỷ đồng (-1.8% MoM, -26.5% YoY) tiếp tục chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối khi chiếm tỷ trọng 95%. Trong khi đó, phát hành công chúng đạt 2,665 tỷ đồng (+118.0% MoM), mặc dù tổ chức phát hành công chúng có sự cải thiện, tuy nhiên các tổ chức phát hành vẫn ưu tiên kênh riêng lẻ nhờ tốc độ triển khai và thủ tục linh hoạt.
- Xét theo nhóm ngành, Ngân hàng là động lực dẫn dắt thị trường phát hành trong tháng, với giá trị đạt 32,800 tỷ đồng, tăng 69.8% MoM nhưng giảm -32.3% YoY, chiếm 61.9% tổng giá trị phát hành. Nhóm Bất động sản đứng thứ hai với giá trị phát hành đạt 15,380 tỷ đồng, giảm 48.6% MoM nhưng tăng 23.0% YoY, chiếm 29.0% tỷ trọng. Trong khi đó, nhóm Dịch vụ tài chính ghi nhận giá trị phát hành 2,129 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với tháng trước nhưng giảm -11.6% YoY, chiếm 4.0% tổng giá trị phát hành.
- Các tổ chức phát hành nổi bật trong tháng chủ yếu tập trung ở hai nhóm Ngân hàng và Bất động sản, bao gồm MBB (9,050 tỷ đồng), VHM (9,000 tỷ đồng), TCB (8,000 tỷ đồng), ĐTXD Thái Sơn (6,000 tỷ đồng), Ngân hàng Bắc Á (5,000 tỷ đồng).

Hoạt động trong tháng 5/2026

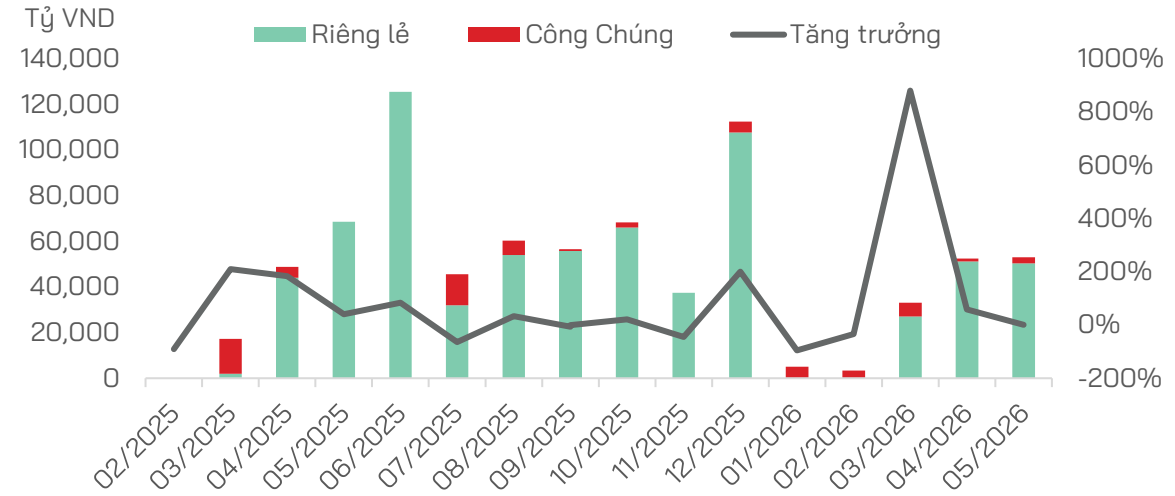


Phát hành mới theo ngành

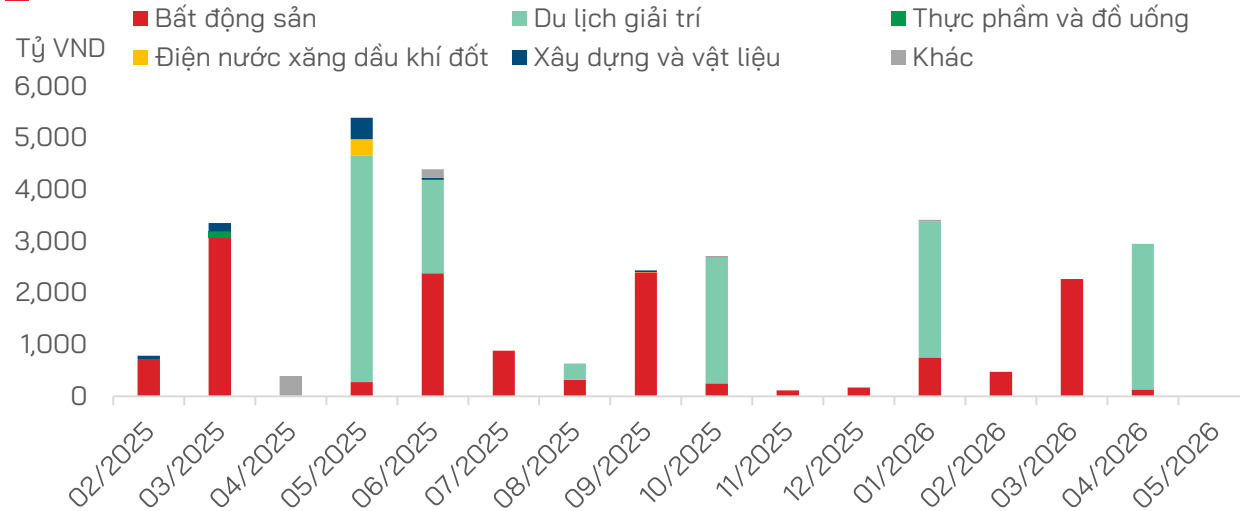


- **Hoạt động mua lại trái phiếu tăng mạnh trong tháng 5/2026** khi đạt 40,060 tỷ đồng, +32.5% MoM và +73.2% YoY với Ngân hàng chiếm phần lớn giá trị mua lại (37,656 tỷ đồng, chiếm 94.0% tổng tỷ trọng).
- **Đáo hạn trái phiếu đạt 16,674 tỷ đồng, +7.5% MoM, +93.3% YoY.** Mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức cao trong tháng 5 và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt cũng gây áp lực đến khả năng trả nợ các quý tiếp theo, trong Quý 2 giá trị đáo hạn là 14,677 tỷ đồng, Quý 3 là 48,932 tỷ đồng và Quý 4 là 84,329 tỷ đồng. Trong đó, nhóm Ngân hàng và bất động sản lần lượt chiếm tỷ trọng lần lượt là 47.20% và 23.19%, tương ứng với 68,563 tỷ đồng và 33,695 tỷ đồng.
- **Không có Trái phiếu trả chậm** nào trong tháng 05/2026.

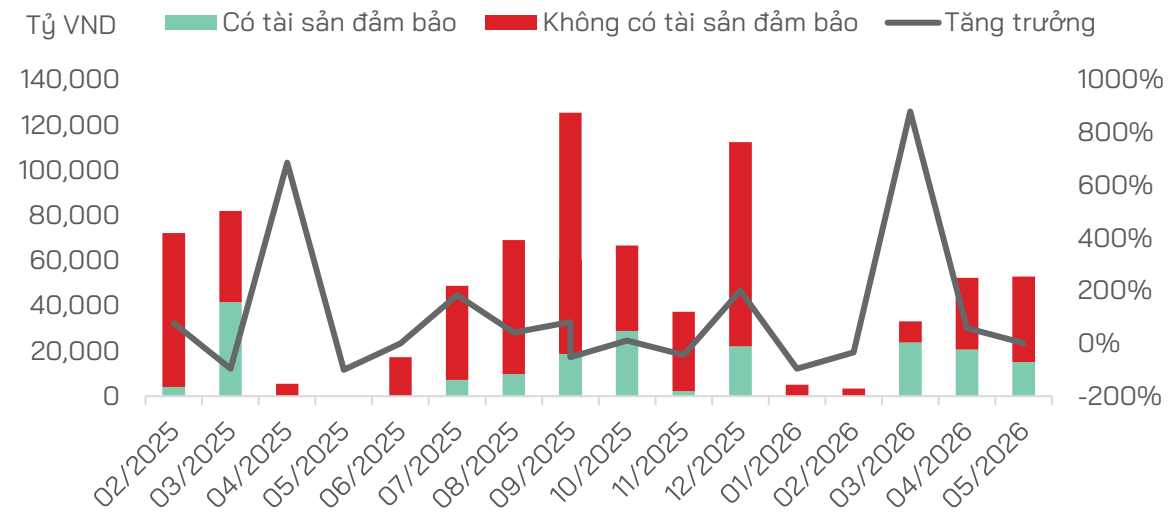
Giá trị phát hành trái phiếu



Tình hình các trái phiếu trả chậm

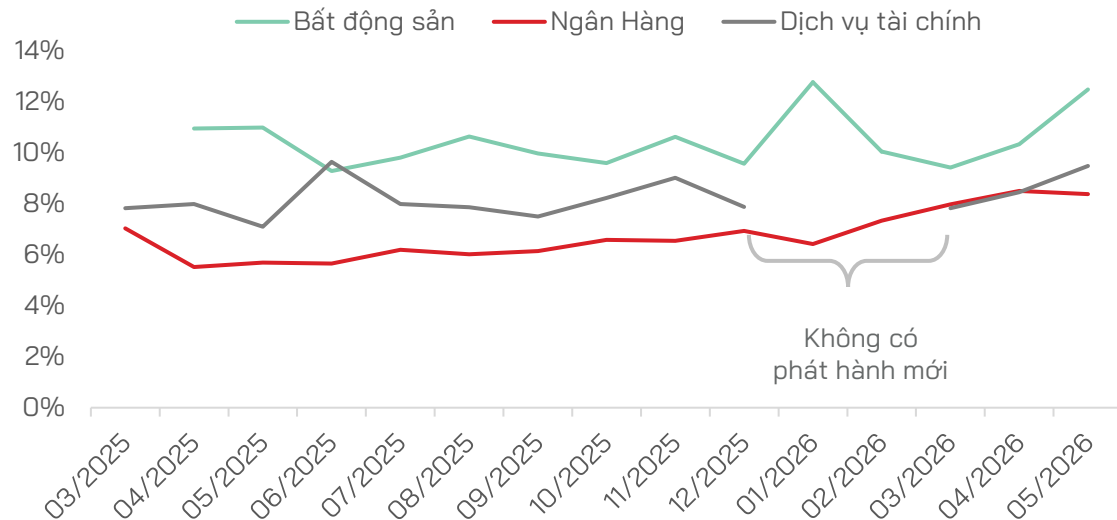


Trái phiếu có tài sản bảo đảm

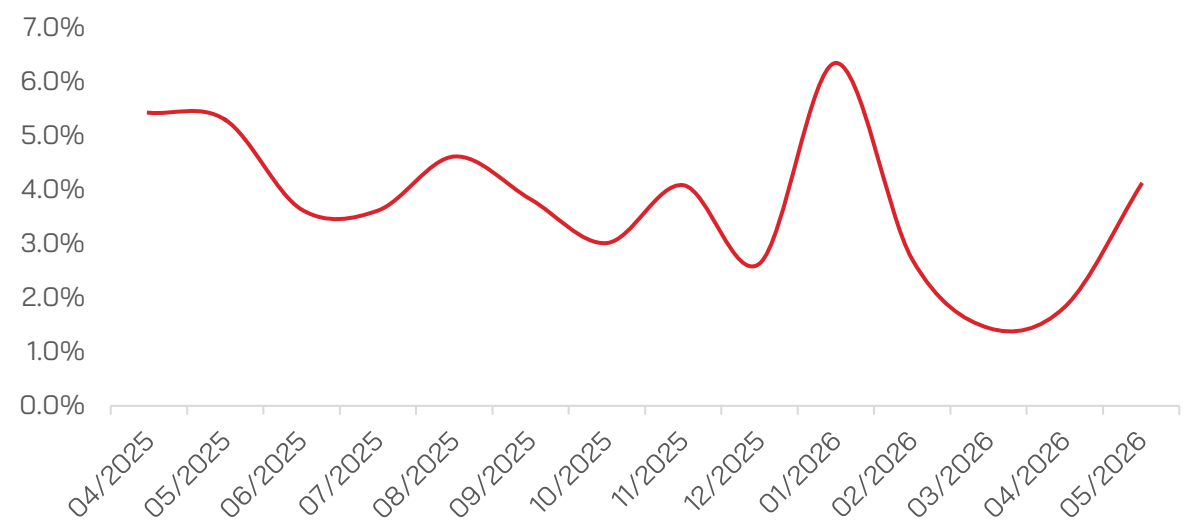


- **Lãi suất phát hành TPDN tiếp tục chịu áp lực tăng trong tháng 05/2026, phản ánh bối cảnh thanh khoản hệ thống còn căng thẳng và mặt bằng lãi suất huy động có xu hướng nhích lên.** Đối với nhóm Ngân hàng, lãi suất phát hành bình quân giảm nhẹ từ 8.49% trong tháng 04/2026 xuống 8.38% trong tháng 05/2026, cho thấy chi phí vốn của nhóm phát hành có nền tảng tín dụng tốt vẫn tương đối ổn định. Ngược lại, nhóm Bất động sản ghi nhận mức tăng mạnh trong 2 tháng liên tiếp, từ 10.32% lên 12.47%, khiến chênh lệch lãi suất phát hành giữa Bất động sản và Ngân hàng nới rộng lên khoảng 4.1 điểm %, mức cao nhất kể từ đầu năm.
- **Nhìn chung, xu hướng tăng của lãi suất phát hành chưa có dấu hiệu suy giảm cho thấy thị trường TPDN đang bước vào giai đoạn chi phí vốn cao hơn và điều kiện huy động thận trọng hơn.** Trong bối cảnh thanh khoản chưa thuận lợi, chúng tôi cho rằng các tổ chức phát hành sẽ tiếp tục cân nhắc kỹ hơn về quy mô, kỳ hạn và thời điểm phát hành trong các tháng tới.

Diễn biến lãi suất các nhóm chính



Chênh lệch lãi suất phát hành giữa nhóm BĐS và Ngân hàng



Thị trường Sơ cấp: Thống kê giá trị phát hành mới trong tháng 5 theo nhóm ngành

	Tổng			Cố định			Thả nổi và Kết hợp		
Ngành	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ (năm)	Coupon BQ
Bất động sản	15,380	2.97	12.47%	6,380	2.94	12.47%	9,000	3.00	
Kỳ hạn 1-3 năm	200	1.00	12.50%	200	1.00	12.50%			
Kỳ hạn 3-5 năm	15,180	3.00	12.47%	6,180	3.00	12.47%	9,000	3.00	
Ngân hàng	32,800	4.68	8.38%	21,450	3.07	8.42%	11,350	7.72	8.28%
Kỳ hạn 1-3 năm	3,500	2.00	7.89%	1,500	2.00	8.40%	2,000	2.00	7.13%
Kỳ hạn 3-5 năm	18,500	3.00	8.44%	18,500	3.00	8.44%			
Kỳ hạn 5-7 năm	2,450	5.41	8.24%	1,450	5.00	8.24%	1,000	6.00	
Kỳ hạn hơn 7 năm	8,350	9.29	8.42%				8,350	9.29	8.42%
Dịch vụ tài chính	2,129	4.03	9.44%	2,129	4.03	9.44%			
Kỳ hạn 1-3 năm	429	1.70	9.70%	429	1.70	9.70%			
Kỳ hạn 3-5 năm	1,150	3.00	9.80%	1,150	3.00	9.80%			
Kỳ hạn hơn 7 năm	550	8.00	8.50%	550	8.00	8.50%			
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,103	3.75	11.35%				2,103	3.75	11.35%
Kỳ hạn 1-3 năm	173	1.00	11.13%				173	1.00	11.13%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,930	4.00	11.37%				1,930	4.00	11.37%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	580	7.00	6.70%	580	7.00	6.70%			
Kỳ hạn hơn 7 năm	580	7.00	6.70%	580	7.00	6.70%			

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 05/2026

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Coupon dự kiến kỳ kế tiếp	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
1	HDB12602	HDBank	Ngân hàng	850	5/29/2026	5/29/2031	5 Năm	8.30%	Không	Cố định
2	BID12602	BIDV	Ngân hàng	1,000	5/29/2026	5/29/2032	6 Năm		Không	Thả nổi
3	TSO12603	Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn	Bất động sản	2,000	5/29/2026	5/29/2029	3 Năm	12.50%	Có	Cố định
4	LVC12601	Lacviet Quy Nhon Ltd.,	Bất động sản	200	5/29/2026	5/29/2027	1 Năm	12.50%	Không	Cố định
5	ACB12601	ACB	Ngân hàng	300	5/29/2026	5/29/2031	5 Năm	8.00%	Không	Cố định
6	MBB12611	MBBank	Ngân hàng	100	5/29/2026	5/29/2036	10 Năm	8.30%	Không	Kết hợp
7	TCB12608	Techcombank	Ngân hàng	500	5/28/2026	5/28/2028	2 Năm	8.40%	Không	Cố định
8	MBB12605	MBBank	Ngân hàng	1,500	5/28/2026	5/28/2036	10 Năm	8.20%	Không	Thả nổi
9	BAB12605	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	2,000	5/28/2026	5/28/2029	3 Năm	8.60%	Không	Cố định
10	VHM12605	Vinhomes	Bất động sản	3,000	5/28/2026	5/28/2029	3 Năm	12.50%	Có	Kết hợp
11	MBB12610	MBBank	Ngân hàng	300	5/28/2026	5/28/2031	5 Năm	8.30%	Không	Cố định
12	NAB202502	Ngân hàng Nam Á	Ngân hàng	1,000	5/28/2026	5/28/2033	7 Năm	8.70%	Không	Thả nổi
13	VHM12606	Vinhomes	Bất động sản	1,000	5/28/2026	5/28/2029	3 Năm	12.50%	Có	Kết hợp
14	HCV12602	Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	1,000	5/27/2026	5/27/2029	3 Năm	9.80%	Không	Cố định
15	TCB12607	Techcombank	Ngân hàng	3,500	5/27/2026	5/27/2029	3 Năm	8.40%	Không	Cố định
16	BID12601	BIDV	Ngân hàng	175	5/26/2026	5/26/2041	15 Năm	7.70%	Không	Kết hợp
17	OCB12604	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	1,000	5/26/2026	5/26/2029	3 Năm	8.50%	Không	Cố định
18	OCB12605	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	1,000	5/26/2026	5/26/2029	3 Năm	8.60%	Không	Cố định
19	SCM12601	Sccommerce	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	580	5/22/2026	5/22/2033	7 Năm	6.70%	Không	Cố định
20	TCB12606	Techcombank	Ngân hàng	2,000	5/22/2026	5/22/2029	3 Năm	8.40%	Không	Cố định
21	LPB12601	LPBank	Ngân hàng	10	5/22/2026	5/22/2033	7 Năm	8.50%	Không	Thả nổi
22	MBB12608	MBBank	Ngân hàng	3,000	5/21/2026	5/21/2029	3 Năm	8.30%	Không	Cố định
23	OCB12603	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	1,000	5/21/2026	5/21/2029	3 Năm	8.60%	Không	Cố định
24	BIDL2634005C	BIDV	Ngân hàng	447	5/20/2026	5/20/2034	8 Năm	7.75%	Không	Thả nổi
25	HCV12601	Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	150	5/20/2026	5/20/2029	3 Năm	9.80%	Không	Cố định

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 05/2026

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Coupon dự kiến kỳ kế tiếp	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
26	BIDL2633004C	BIDV	Ngân hàng	915	5/20/2026	5/20/2033	7 Năm	7.70%	Không	Thả nổi
27	EVF12602	Tài chính Tổng hợp Điện lực	Dịch vụ tài chính	550	5/20/2026	5/20/2034	8 Năm	8.50%	Không	Cố định
28	MSB12603	MSB Bank	Ngân hàng	2,000	5/20/2026	5/20/2029	3 Năm	8.45%	Không	Cố định
29	BIDL2636006C	BIDV	Ngân hàng	4	5/20/2026	5/20/2036	10 Năm	7.80%	Không	Thả nổi
30	MBB12607	MBBank	Ngân hàng	100	5/19/2026	5/19/2036	10 Năm	8.30%	Không	Kết hợp
31	HDB12601	HDBank	Ngân hàng	50	5/19/2026	5/19/2034	8 Năm		Không	Thả nổi
32	TRE32601	Năng lượng Tái tạo Trung Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,930	5/18/2026	5/18/2030	4 Năm	11.40%	Có	Kết hợp
33	TRE32602	Năng lượng Tái tạo Trung Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	173	5/18/2026	5/18/2027	1 Năm	11.40%	Có	Kết hợp
34	TCB12605	Techcombank	Ngân hàng	2,000	5/18/2026	5/18/2029	3 Năm	8.40%	Không	Cố định
35	MBB12604	MBBank	Ngân hàng	300	5/15/2026	5/15/2036	10 Năm	8.30%	Không	Kết hợp
36	TSO12602	Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn	Bất động sản	2,000	5/15/2026	5/15/2029	3 Năm	12.50%	Không	Cố định
37	MBB12606	MBBank	Ngân hàng	50	5/15/2026	5/15/2036	10 Năm	8.30%	Không	Kết hợp
38	BAB12604	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	1,000	5/14/2026	5/14/2028	2 Năm	5.55%	Không	Kết hợp
39	BAB12603	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	1,000	5/13/2026	5/13/2028	2 Năm	8.40%	Không	Cố định
40	VDS12602	Chứng khoán Rồng Việt	Dịch vụ tài chính	129	5/12/2026	5/12/2027	1 Năm	9.00%	Không	Cố định
41	MBB12603	MBBank	Ngân hàng	3,500	5/12/2026	5/12/2035	10 Năm	8.20%	Không	Thả nổi
42	MSB12602	MSB Bank	Ngân hàng	1,000	5/12/2026	5/12/2029	3 Năm	8.40%	Không	Cố định
43	VHM12603	Vinhomes	Bất động sản	2,000	5/11/2026	5/11/2029	3 Năm	12.50%	Có	Kết hợp
44	VHM12602	Vinhomes	Bất động sản	2,000	5/11/2026	5/11/2029	3 Năm	12.50%	Có	Kết hợp
45	VHM12604	Vinhomes	Bất động sản	1,000	5/11/2026	5/11/2029	3 Năm	12.50%	Có	Kết hợp
46	F88126015	Kinh doanh F88	Dịch vụ tài chính	300	5/7/2026	5/7/2028	2 Năm	10.00%	Không	Cố định
47	VPI12602	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	180	5/7/2026	5/7/2029	3 Năm	11.50%	Không	Cố định
48	BAB12602	Ngân hàng Bắc Á	Ngân hàng	1,000	5/7/2026	5/7/2028	2 Năm		Không	Kết hợp
49	TSO12601	Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn	Bất động sản	2,000	5/6/2026	5/6/2029	3 Năm	12.50%	Có	Cố định
50	MBB12609	MBBank	Ngân hàng	200	5/2/2026	5/26/2036	10 Năm	8.30%	Không	Kết hợp

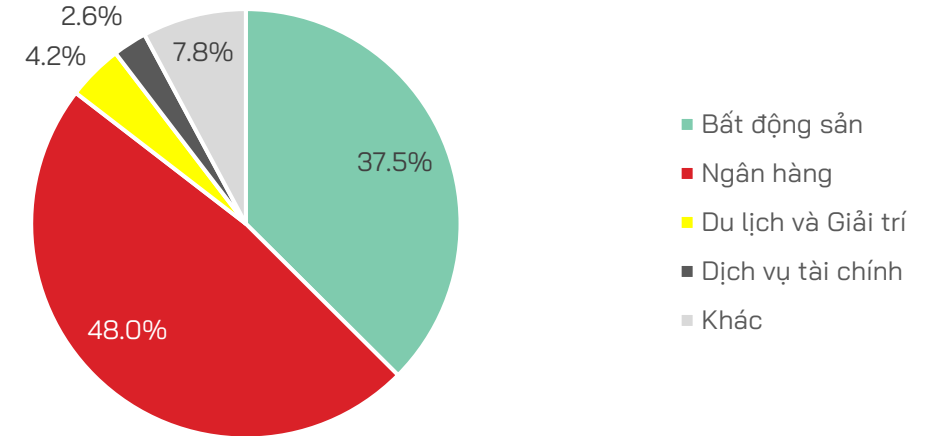
Thị trường Sơ cấp: Kế hoạch phát hành trong các tháng còn lại năm 2026

Thời gian	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn (Năm)
29/06/2026	BAB204-07L	Ngân hàng Bắc Á	1,000	7.00
29/06/2026	BAB204-07C	Ngân hàng Bắc Á	500	7.00
30/06/2026	AGRB_TPRL_2025_2	Agribank	10,000	8.00
30/06/2026	HDBC7Y263302	HDBank	2,772	7.00
24/07/2026	HDBC8Y263402	HDBank	2,588	8.00
30/09/2026	CTG2634T2/02	VietinBank	4,000	8.00
30/09/2026	KLB7Y202503	KienlongBank	1,000	7.00
30/09/2026	TCXPO2629002	Chứng khoán TCBS	1,000	3.00
30/09/2026	SHB7Y202601	SHB	3,000	7.00
30/09/2026	AGRB_TPCC_2026	Agribank	15,000	10.00
30/11/2026	CTG_TPRL_2026	VietinBank	7,000	6.00
31/12/2026	CTG2634T2/03	VietinBank	2,000	8.00
31/12/2026	LPB7Y202504	LPBank	900	7.00
31/12/2026	LPB8Y202505	LPBank	1,500	8.00
31/12/2026	LPB10Y202506	LPBank	100	10.00
31/12/2026	TCXPO2628003	Chứng khoán TCBS	1,500	2.00
31/12/2026	TCXPO2628004	Chứng khoán TCBS	1,500	2.00
31/12/2026	F88BOND.PO.03	Kinh doanh F88	400	2.00
31/12/2026	VPB_TPRL_2026_1	VPBank	30,000	5.00
31/12/2026	SHB7Y202602	SHB	3,000	7.00
31/12/2026	MBB_PPCBond_2026	MBBank	10,000	5.00
31/12/2026	VCB_TPDN_2026	Vietcombank	10,000	4.00
31/12/2026	HDB_TPRL_2026_1	HDBank	15,000	
31/12/2026	HDB_TPRL_2026_2	HDBank	15,000	
31/12/2026	BID_TPRL_2026	BIDV	20,000	5.00
31/12/2026	VBB_TPRL_2026_2000	VietBank	2,000	1.00

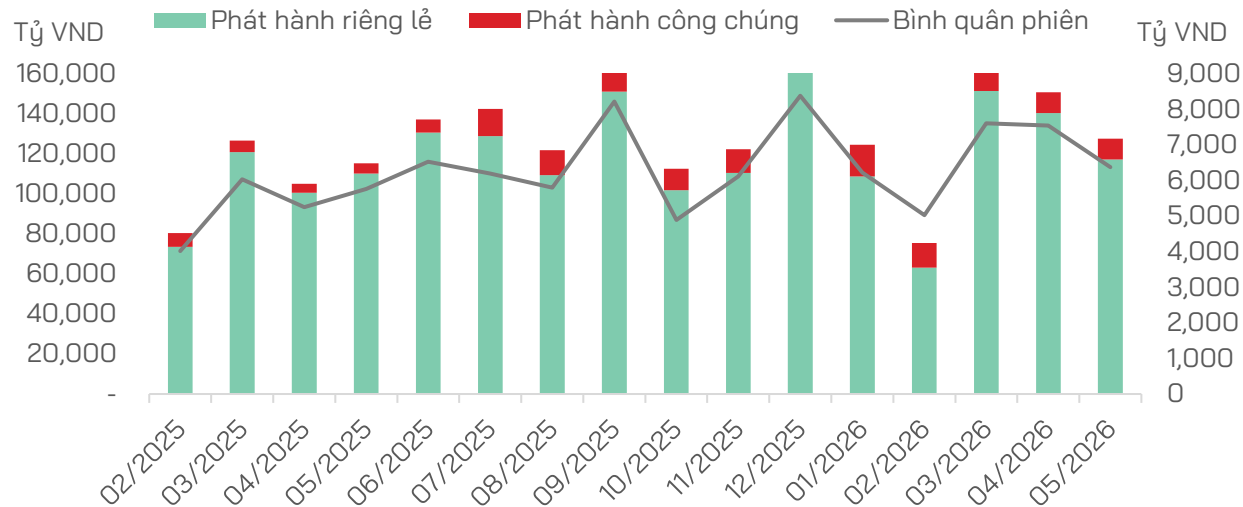
Thị trường Thứ cấp: Thanh khoản suy giảm, lợi suất TPCP tiếp tục xu hướng tăng

- **Thanh khoản thị trường thứ cấp TPDN trong tháng 05/2026 giảm mạnh so với tháng trước.** Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 6,374 tỷ đồng, giảm -15.5% MoM, nếu tính tổng giá trị giao dịch trong tháng 05/2026 đạt 127,478 tỷ đồng, giảm -15.5% MoM. Trong đó, giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt 117,080 tỷ đồng, giảm -16.6% MoM; còn giao dịch trái phiếu phát hành ra công chúng đạt 10,398 tỷ đồng, đi ngang -0.4% MoM.
- **Về cơ cấu giao dịch, nhóm Ngân Hàng và Bất Động Sản tiếp tục là hai nhóm ngành chi phối thanh khoản trên thị trường thứ cấp,** với tỷ trọng lần lượt đạt 48.0% và 37.5% trong tháng 05/2026, dòng tiền giao dịch vẫn tập trung chủ yếu vào các nhóm có quy mô dư nợ lớn và mức độ quan tâm cao từ nhà đầu tư.
- **Lợi suất Trái phiếu Chính phủ Việt Nam vẫn duy trì tăng trong các tháng qua,** tăng 0.03-0.09 điểm phần trăm so với tháng trước.

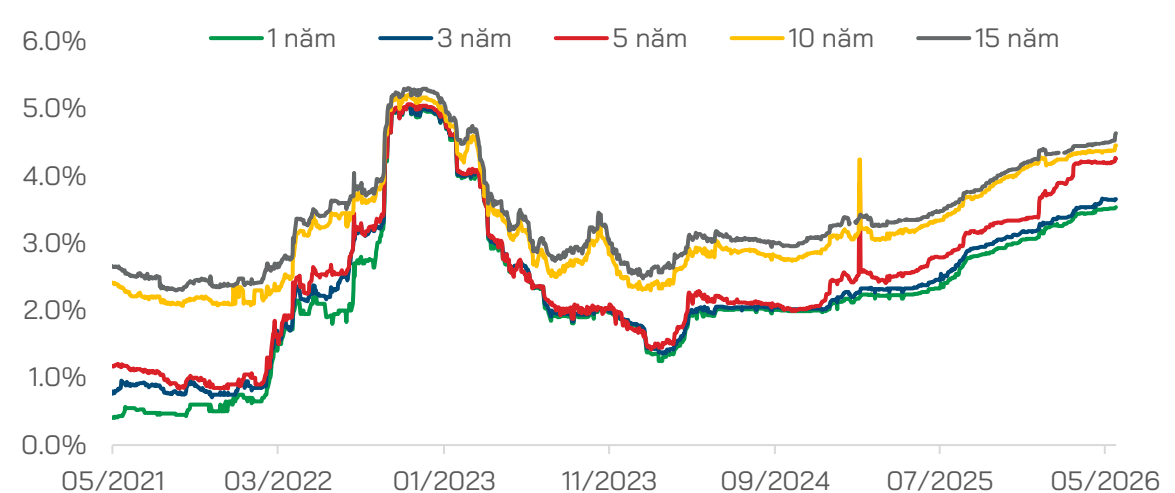
Giá trị phát hành theo ngành



Phát hành trái phiếu



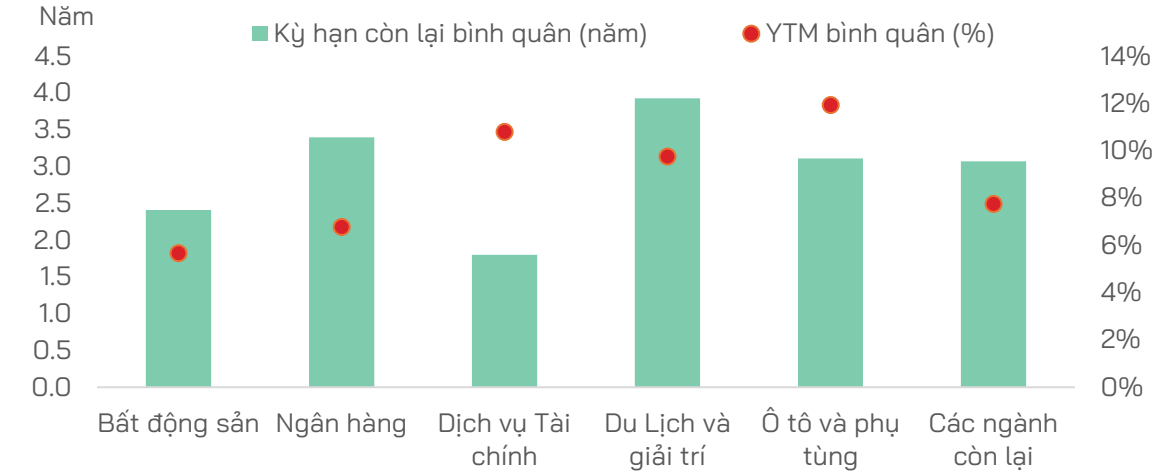
Đường cong lợi suất Trái phiếu Chính phủ



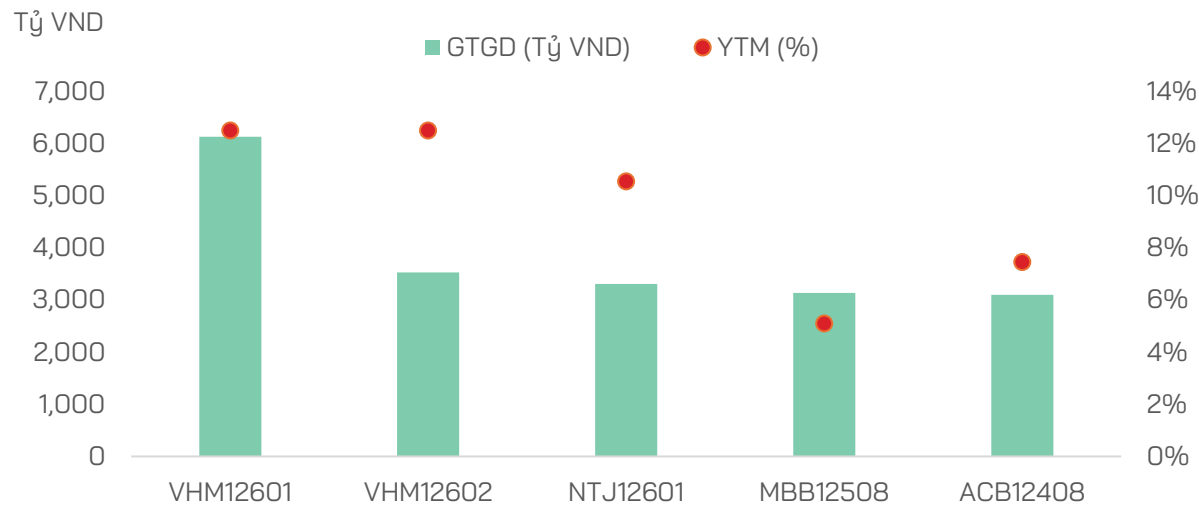
Thị trường Thứ cấp: nhóm Bất động sản duy trì lợi suất cao

- Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch tiếp tục tập trung vào một số tổ chức phát hành lớn, chủ yếu thuộc nhóm Ngân hàng và Bất động sản. Top 5 tổ chức có giá trị giao dịch lớn nhất trong tháng gồm HDBank với 12,951 tỷ đồng, VHM với 12,251 tỷ đồng, TCB với 7,302 tỷ đồng, OCB với 6,426 tỷ đồng và MBB với 5,192 tỷ đồng. Điều này cho thấy mức độ tập trung của thanh khoản vẫn cao, trong đó dòng tiền giao dịch chủ yếu xoay quanh các tổ chức phát hành có quy mô lớn và mức độ nhận diện cao trên thị trường.
- Về lợi suất đáo hạn (YTM), các mã trái phiếu Bất Động Sản tiếp tục thuộc nhóm cao nhất thị trường, trong đó nổi bật là các mã VHM12601, VHM12602 của VHM lợi suất 12.5%, cũng là 2 mã top đầu giá trị phát hành với tổng giá trị đạt 9,654 tỷ VND, tiếp theo là NTJ12601 của BĐS Thời đại mới T&T đạt 3,309 tỷ VND với lợi suất 10.55% YTM.

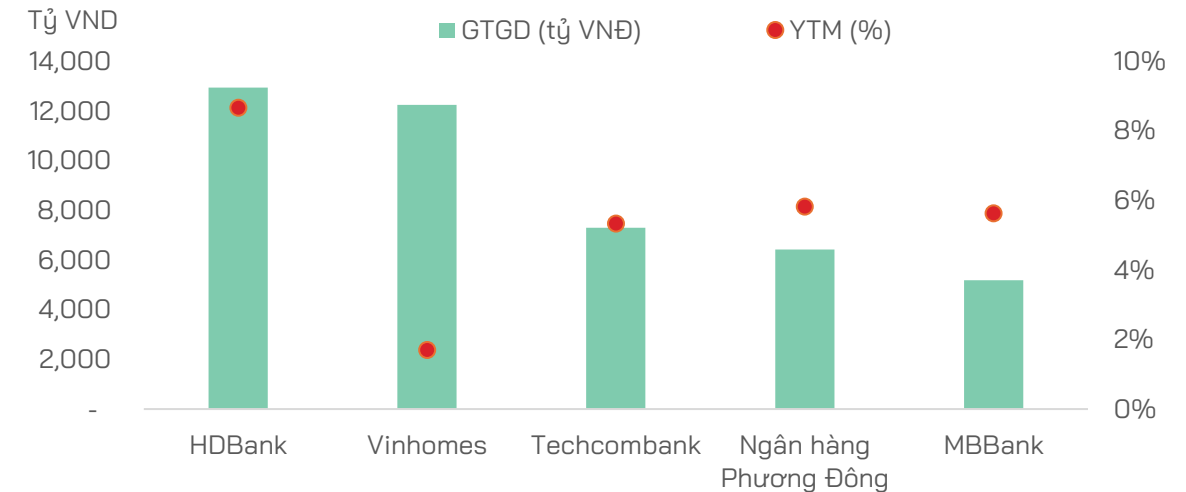
Tương quan lãi suất thị trường thứ cấp và kỳ hạn còn lại



Top 5 mã trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Top 5 TCPH có trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Thị trường Thứ cấp: Thống kê giao dịch trong tháng 5 theo ngành

Ngành	Tổng GTGD (tỷ VND)	Phát hành Công chúng (tỷ VND)	Phát hành Riêng lẻ (tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Ngân hàng	61,171	7,155	54,016	3.40	6.78%
Kỳ hạn <1 năm	4,950	-	4,950	0.31	7.22%
Kỳ hạn 1-3 năm	28,611	2	28,609	1.81	5.60%
Kỳ hạn 3-5 năm	4	4	-	4.34	9.00%
Kỳ hạn 5-7 năm	19,205	5,854	13,350	5.92	8.56%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	8,401	1,294	7,107	7.21	7.89%
Bất động sản	47,750	753	46,996	2.46	5.67%
Kỳ hạn <1 năm	11,924	692	11,232	0.57	3.23%
Kỳ hạn 1-3 năm	24,092	62	24,030	2.18	5.71%
Kỳ hạn 3-5 năm	8,432	-	8,432	3.40	10.09%
Kỳ hạn 5-7 năm	767	-	767	5.99	6.51%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	2,535	-	2,535	9.32	8.39%
Dịch vụ tài chính	3,260	528	2,732	1.80	10.80%
Kỳ hạn <1 năm	579	181	398	0.87	8.37%
Kỳ hạn 1-3 năm	2,668	347	2,321	1.94	11.22%
Kỳ hạn 5-7 năm	14	-	14	5.48	9.24%
Du lịch và Giải trí	5,320	-	5,320	3.93	9.76%
Kỳ hạn <1 năm	7	-	7	0.98	12.48%
Kỳ hạn 1-3 năm	944	-	944	1.30	9.62%
Kỳ hạn 3-5 năm	3,856	-	3,856	4.22	9.96%
Kỳ hạn 5-7 năm	513	-	513	6.64	8.54%
Thực phẩm và đồ uống	1,447	1,039	408	1.53	8.55%
Kỳ hạn <1 năm	179	86	94	0.23	7.39%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,268	953	315	1.98	8.95%

Ngành	Tổng GTGD (tỷ VND)	GTGD TP công chúng (tỷ VND)	GTGD TP Riêng lẻ (tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Tài nguyên Cơ bản	347	64	283	1.49	10.57%
Kỳ hạn 1-3 năm	347	64	283	1.49	10.57%
Xây dựng và Vật liệu	1,573	816	757	3.05	9.54%
Kỳ hạn <1 năm	200	-	200	0.72	10.64%
Kỳ hạn 1-3 năm	600	107	493	1.38	10.08%
Kỳ hạn 3-5 năm	45	-	45	3.13	10.40%
Kỳ hạn 5-7 năm	20	-	20	6.64	9.57%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	709	709	-	9.26	6.84%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,717	7	1,709	3.28	8.23%
Kỳ hạn <1 năm	33	7	25	0.95	7.93%
Kỳ hạn 1-3 năm	530	-	530	2.63	9.43%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,154	-	1,154	3.63	7.70%
Ô tô và phụ tùng	2,882	-	2,882	3.11	11.94%
Kỳ hạn <1 năm	14	-	14	0.42	9.94%
Kỳ hạn 1-3 năm	591	-	591	2.01	10.58%
Kỳ hạn 3-5 năm	2,276	-	2,276	3.41	12.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	36	36	-	2.52	8.90%
Kỳ hạn <1 năm	0	0	-	0.00	0.00%
Kỳ hạn 1-3 năm	36	36	-	2.52	8.90%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,976	-	1,976	3.06	5.61%
Kỳ hạn <1 năm	839	-	839	0.28	3.40%
Kỳ hạn 1-3 năm	358	-	358	2.61	2.66%
Kỳ hạn 3-5 năm	397	-	397	4.41	7.29%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	381	-	381	8.22	10.02%

Thị trường Thứ cấp: Top Thanh khoản theo Tổ chức phát hành tháng 05/2026

STT	Tổ chức phát hành	Mã	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	YTM	YTM (%)	Giá sạch bình quân (VND)	Thay đổi giá sạch (%)	Giá bản bình quân (VND)	Thay đổi giá bản (%)
1	HDBank	HDB	12,951	71.2	8.67%	-0.03%	114,430,131	-0.08%	118,662,423	2.11%
2	Vinhomes	VHM	12,251	33.2	1.70%	0.58%	101,043,224	-0.60%	102,057,625	-0.06%
3	Techcombank	TCB	7,302	12.5	5.33%	0.06%	997,291,584	-0.05%	1,043,110,037	0.07%
4	Ngân hàng Phương Đông	OCB	6,426	24.9	5.82%	1.00%	998,639,803	0.15%	1,044,872,365	-0.81%
5	MBBank	MBB	5,192	52.1	5.63%	0.00%	101,250,277	0.00%	104,650,609	0.30%
6	ACB	ACB	4,753	12.5	7.02%	-1.22%	995,219,926	-0.16%	1,033,383,664	0.28%
7	Vietjet Air	VJC	3,841	51.6	9.42%	3.46%	101,624,427	-1.60%	105,401,676	-0.09%
8	VPBank	VPB	3,750	25.4	5.37%	-0.32%	996,849,992	0.51%	1,041,584,883	1.49%
9	New Times., Jsc	102479462	3,309	46.5	10.55%	-0.09%	99,879,485	0.28%	101,466,836	0.91%
10	MSB Bank	MSB	3,093	31.6	6.33%	3.07%	998,004,332	0.25%	1,031,415,821	-3.55%
11	ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BĐS TRƯỜNG MINH	901125981	2,868	3.3	4.57%	0.22%	101,122,589	-0.54%	105,674,150	0.09%
12	SX và Kinh doanh Vinfast	107894416	2,811	39.8	12.17%	0.18%	102,750,588	-0.53%	104,024,168	0.37%
13	TMại và Đầu tư Việt Đức	108596412	2,740	31.3	-10.13%	-0.66%	169,301,051	0.49%	170,859,913	0.95%
14	Hung Phat Invest Ha Noi Co.,Ltd	107662609	2,558	10.4	4.23%	0.09%	104,162,163	-0.36%	105,058,805	0.24%
15	BIDV	BID	2,238	80.6	7.14%	0.01%	999,953,172	0.05%	1,005,935,563	-5.17%
16	VinGroup	VIC	2,218	5.8	15.48%	0.37%	100,639,803	0.62%	102,145,242	1.13%
17	TPBank	TPB	2,103	24.2	5.55%	-0.03%	99,907,679	0.05%	105,159,054	0.09%
18	Đầu tư Marina Center	317086510	2,017	119.2	8.87%	0.00%	100,131,507	0.00%	100,834,247	0.00%
19	VIBBank	VIB	1,741	87.6	8.67%	0.02%	999,901,947	-0.08%	1,042,253,238	0.14%
20	PT Năng lượng Trung Nam	317091246	638	0.8	0.06%	-0.15%	100,893,422	-1.59%	126,262,077	0.00%

Thị trường Thứ cấp: Top các mã trái phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất tháng 05/2026

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	YTM	YTM (%)	Giá sạch (VND)	Giá bản (VND)	Giá bản BQ (VND)	Giá sạch BQ (VND)
1	VHM12601	6,126	28.7	12.5x%		101,347,132	102,922,474	101,983,937	100,709,344
2	VHM12602	3,529	35.7	12.5x%		101,714,503	102,262,448	102,159,291	101,718,063
3	NTJ12601	3,309	46.5	0.1055	-0.0009	99,066,750	100,764,011	101,466,836	99,879,484
4	MBB12508	3,131	24.83	0.0511	-0.0003	99,815,751	104,432,189	104,369,257	99,782,495
5	ACB12408	3,100	2.6	0.0746	0.0012	993,769,470	1,033,550,292	1,033,452,483	993,827,367
6	VDI12101	2,740	31.33	-0.1013	-0.0066	170,182,509	172,168,810	170,859,913	169,301,051
7	IHP12501	2,558	10.43	0.0423	0.0009	103,660,949	104,770,538	105,058,805	104,162,163
8	VIF12402	2,276	41.03	0.1231	0.0018	102,091,834	103,608,273	104,290,044	103,066,107
9	HDB125011	2,232	70.63	0.0888	0.0011	98,316	99,839	99,839	98,584
10	NEW12402	2,142	18.73	0.0194	0	109,000,000	112,734,658	112,734,658	109,000,000
11	TRM32502	2,117	3.17	0.0316	0	100,000,000	105,860,411	105,860,411	100,000,000
12	TPB12504	2,103	24.17	0.0555	-0.0003	99,932,891	105,206,864	105,159,054	99,907,679
13	TCB12512	2,089	12.37	0.0526	0.0006	998,130,328	1,044,379,643	1,044,428,257	998,192,921
14	TCB12511	2,088	12.33	0.0535	-0.0009	998,246,973	1,045,614,096	1,043,759,771	997,321,739
15	MSB12506	2,087	24.97	0.0533	-0.0002	997,493,928	1,043,937,764	1,043,574,570	997,273,175
16	TCB12513	2,086	12.4	0.0537	0	997,110,967	1,043,220,556	1,043,220,556	997,110,967
17	HTA12301	2,024	19.13	0.1361	-0.0106	103,734,632	108,809,153	103,387,875	98,456,448
18	MAR12601	2,017	119.2	0.0887	0	100,131,507	100,834,247	100,834,247	100,131,507
19	BID12505	2,002	84.57	0.0705	0	1,000,000,000	1,000,965,753	1,000,869,187	1,000,000,000
20	VPB12506	1,985	25.2	0.0532	-0.0003	997,796,090	1,045,237,186	1,044,881,086	997,578,655

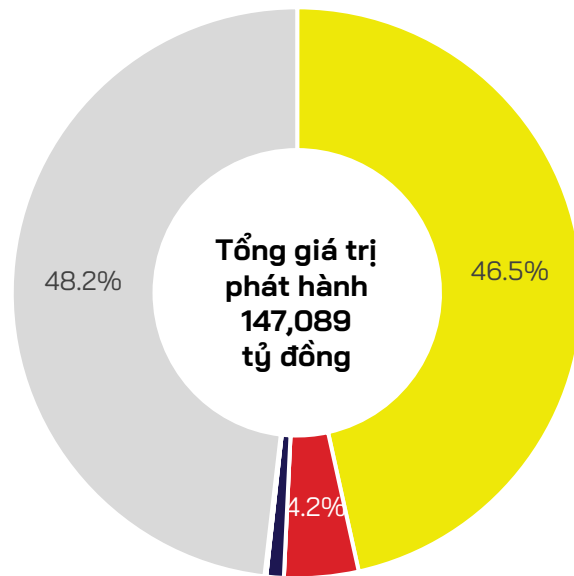
Lịch Thanh toán trái phiếu sắp đáo hạn tháng 5-6/2026

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSDB	Kiểu lãi suất coupon
1	HCV12402	Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	500	05/06/2024	05/06/2026	2 Năm	Không	Kết hợp
2	HCV12403	Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	500	06/06/2024	06/06/2026	2 Năm	Không	Kết hợp
3	SHJ12103	Kinh doanh Nhà Sunshine	Bất động sản	1,200	08/06/2021	08/06/2026	5 Năm	Có	Kết hợp
4	HLL12102	XD và Phát triển Hoàng Long	Bất động sản	1,000	09/06/2021	09/06/2026	5 Năm	Không	Kết hợp
5	TMS12302	Transimex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	300	09/06/2023	09/06/2026	3 Năm	Có	Cố định
6	VJC12104	Vietjet Air	Du lịch và Giải trí	1,000	09/06/2021	09/06/2026	5 Năm	Không	Kết hợp
7	HELIOS.BOND.01.2019.1000(1)	Đầu tư và Dịch vụ Helios	Bất động sản	1,000	10/06/2019	10/06/2026	7 Năm	Không	Cố định
8	HCG12101	Tập đoàn Địa Ốc Hoàng Cát	Bất động sản	300	14/06/2021	14/06/2026	5 Năm	Có	Thả nổi
9	DBA12101	Tổng Công ty Đông Bắc	Tài nguyên Cơ bản	700	14/06/2021	14/06/2026	5 Năm	Không	Thả nổi
10	PMH.1700.2019.02	Phát triển Phú Mỹ Hưng	Bất động sản	900	02/03/2020	15/06/2026	75 Tháng	Không	Cố định
11	PMH.1700.2019.01	Phát triển Phú Mỹ Hưng	Bất động sản	800	04/09/2019	15/06/2026	7 Năm	Có	Cố định
12	TCS12104	Chứng khoán TCBS	Dịch vụ tài chính	468	16/06/2021	16/06/2026	5 Năm	Không	Kết hợp
13	SIN12407	Shinhan Việt Nam	Ngân hàng	1,000	17/06/2024	17/06/2026	2 Năm	Không	Cố định
14	ITCH1924001	Becamex ITC	Bất động sản	500	17/06/2019	17/06/2026	7 Năm	Có	Cố định
15	NPECH2229001	ĐT Năng lượng Nam Phương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	300	18/03/2022	18/06/2026	51 tháng	Có	Kết hợp
16	NBG12102	Tư vấn Đầu tư Nguyên Bình	Bất động sản	1,000	21/06/2021	21/06/2026	5 Năm	Có	Kết hợp
17	NPECH2126001	ĐT Năng lượng Nam Phương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	450	23/08/2021	23/06/2026	58 tháng	Có	Kết hợp
18	HIC12103	Đầu tư và Dịch vụ Helios	Bất động sản	3,000	23/06/2021	23/06/2026	5 Năm	Có	Kết hợp
19	HCV12404	Home Credit Việt Nam	Dịch vụ tài chính	300	24/06/2024	24/06/2026	2 Năm	Không	Kết hợp
20	TCS12113	Chứng khoán TCBS	Dịch vụ tài chính	278	24/06/2021	24/06/2026	5 Năm	Không	Kết hợp
21	MAN12401	Phát Triển Và Đầu Tư Kinh Doanh Minh An	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,000	24/12/2024	24/06/2026	18 Tháng	Có	Cố định
22	SVA12102	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	1,000	24/06/2021	24/06/2026	5 Năm	Không	Cố định
23	NPECH2128002	ĐT Năng lượng Nam Phương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	900	26/11/2021	26/06/2026	55 tháng	Có	Kết hợp
24	AHC12401	Ahcv	Xây dựng và Vật liệu	50	27/06/2024	27/06/2026	2 Năm	Có	Cố định
25	VHM12406	Vinhomes	Bất động sản	2,500	27/06/2024	27/06/2026	2 Năm	Có	Cố định
26	VPI12401	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	150	27/06/2024	27/06/2026	2 Năm	Có	Kết hợp
27	VKS12101	Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	Tài nguyên Cơ bản	500	29/06/2021	29/06/2026	5 Năm	Có	Cố định
28	EDI12301	PT Năng lượng Trung Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,230	18/10/2023	30/06/2026	986 ngày	Có	Kết hợp

Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong 5 tháng đầu năm 2026

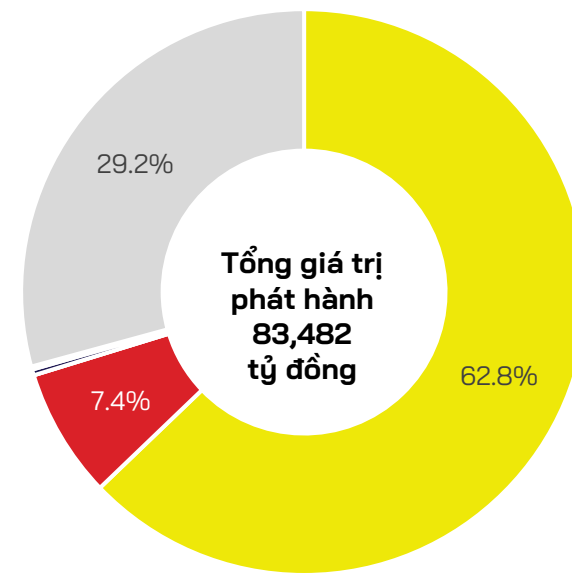
- **Tính từ đầu năm đến ngày 31/05/2026**, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu từ nhóm ngân hàng phát hành) với 52,455 tỷ đồng tương đương chiếm 62.8% tổng quy mô phát hành, đứng thứ hai là HDS với 6,190 tỷ đồng tương đương chiếm 7.4% tổng quy mô phát hành.

Thị phần tư vấn phát hành



■ TCBS ■ HDS ■ VPBankS ■ BIDV ■ Agriseco
■ VietinBank ■ VDSC ■ OCBS ■ BSC ■ Khác

Thị phần tư vấn phát hành (trừ trái phiếu phát hành bởi ngân hàng)




■ TCBS ■ HDS ■ VPBankS ■ BIDV ■ VDSC ■ OCBS ■ BSC ■ Khác

(* HDS Research thu thập và tính toán từ dữ liệu của HNX và FiinPro

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn


TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666

CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/tin-tuc-su-kien/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập từ các nguồn được đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ tuyệt đối của các thông tin này. Các nhận định trong báo cáo phản ánh quan điểm tại thời điểm phát hành, có thể thay đổi theo diễn biến thị trường mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ mang tính tham khảo và không phải là khuyến nghị đầu tư. HDS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Báo cáo này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.